TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 28/2020/DS-PT
Ngày 30 – 03 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Bùi Kim Rết

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp"*hợp đồng góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số10/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/ 2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Triều Thị H **(Tên gọi khác:** H1**)**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 4, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp củanguyên đơn:* Ông Đặng Bửu Tr, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai, địa chỉ: Đường 30/4, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 4, xã Nam Cát T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Xuân T1**,** sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 4, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện theo quỷ quyền của ông Nguyễn Xuân T1:* Bà Triều Thị H **(tên gọi khác:** H1**)**, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 4, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền đề ngày 21/6/2019).

3.2 Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp 4, xã Nam Cát T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3.3 Ông Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1974 và bà Trần Thị L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 11, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

4. Người làm chứng:

4.1 Bà Trần Thị C**,** sinh năm 1962 và ông Võ Duy T3**,** sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 2, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

4.2 Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

4.3 Bà Vũ Thị V1**,** sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

4.4 Ông Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ2, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

7. Người kháng cáo:bà Triều Thị H, là nguyên đơn.

(Bà H, ông Tr có mặt; ông T1 vắng mặt đã ủy quyền cho bà H; ông T2, bà L, bà V, bà V1 và ông D1 vắng mặt; ông T, bà Thêu, bà C, ông T1c và bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau

- *Nguyên đơn bà Triều Thị H trình bày:*

Bà (H) với bà Trần Thị L và anh Nguyễn Trọng T (con trai của ông bà L2 và ông D1) cùng cư trú tại xã Đ2, huyện T2. Năm 2015, bà Trần Thị L đứng ra tổ chức các dây hụi để giúp nhau làm kinh tế gia đình. Bà (H) và anh T cùng tham gia chơi dây hụi mở ngày 08/4/2015 (tức ngày 20/02/2015 âm lịch); mỗi chân hụi sống (tức chưa hốt) thì đóng 10.000.000 đồng, hụi chết (tức đã hốt) thì đóng 15.000.000 đồng, cứ 6 tháng khui hụi một lần. Bà (H) tham gia 2 chân hụi và đã đóng được 3 kỳ hụi (vào ngày 20/02/2015, ngày 20/8/2015 và ngày 20/02/2016 âm lịch (tức ngày ...), Tổng số tiền bà đã đóng là 60.000.000 đồng. Chân hụi đầu T, anh T là người hốt hụi và bà là người trực tiếp giao cho anh T số tiền 20.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 8/2016 (tức tháng 6/2016 âm lịch) thì bà L (chủ hụi) bỏ đi khỏi địa

phương nên dây hụi trên không tiếp tục chơi được nữa (úp hụi). Hiện bà L không có mặt tại địa phương.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh T và vợ là Bùi Thị Th liên đới phải trả lại cho bà số tiền hụi (hụi chết) là 30.000.000 đồng mà bà đã đóng cho anh T vào ngày 08/4/2015 (tức ngày 20/02/2015 âm lịch), bao gồm 20.000.000đ tiền hụi gốc đã giao và 10.000.000đ tiền lãi theo văn bản thỏa thuận khi chơi hụi; đồng thời yêu cầu anh T phải trả tiền lãi là 21.000.000đ (tính từ khi hốt hụi ngày 20/8/2016 đến ngày 20/7/2019 với mức lãi suất là 2%/tháng x 30.000.000đ x 35 tháng).

Lý do bà khởi kiện anh T yêu cầu anh T và vợ phải trả số tiền trên vì các bên thỏa thuận khi chơi hụi là ai không đóng hụi thì chủ hụi phải chịu, còn nếu bể hụi thì ai đã nhận tiền người đó phải trả lại cho người đóng. Chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án là 02 biên bản chơi hụi (bản phô tô) do bà L đưa cho bà.

- *Bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:*

Anh (T) có nơi sinh ở Đắc Lua nên có quen biết với bà L, ông T2. Anh không quen biết với bà H, không tham gia chơi hụi với chủ hụi là bà L, ông T2 như bà H trình bày. Anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Th trình bày:*

Chị Th đồng ý với trình bày của anh T. Chị Th không thừa nhận nội dung trình bày cũng như yêu cầu của bà H đối với chị và anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T1 (chồng bà H) do bà H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T1 đồng ý với trình bày và yêu cầu của bà H.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã tuyên:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 302 và 479 Bộ luật dân sự năm 2005;Điều 429, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về Họ, hụi, biêu, pH1; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về Họ, hụi, biêu, pH1; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triều Thị H, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T và người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi và tiền lãi là 51.000.000đ.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 29/11/2019, bà Triều Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Tân phú. Tại phiên tòa bà H đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Bửu Tr trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì những căn cứ như sau: Biên bản chơi hội ngày 20/02/2015 Âm lịch là vô hiệu vì chỉ có chữ ký của chủ hụi chứ không có chữ ký của các thành viên tham gia, nên đề nghị tuyên bố Biên bản chơi hội vô hiệu và xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu, ông T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền chơi hụi đã nhận từ bà H và tiền lãi chậm trả.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định.

+ Về việc giải quyết kháng cáo:

Bà H khởi kiện ông T yêu cầu ông T trả tiền hụi 20.000.000 đồng và 31.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

- Kháng cáo của bà Triều Thị H làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự.

[2] *Về áp dụng pháp luật:* các đương sự chơi hụi vào tháng 4/2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn anh T và vợ là chị Th liên đới trả tiền hụi cho bà H số tiền 51.000.000đ (trong đó 20.000.000đ tiền hụi gốc và 31.000.000đ tiền lãi). Vợ chồng anh T chị Th không đồng ý yêu cầu của bà H vì anh chị không chơi hụi và không biết bà H là ai.

[4] Xét kháng cáo của bà Triều Thị H về việc yêu cầu anh T và vợ là chị Th trả số tiền 51.000.000đ.

- Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện việc bà H có tham gia chơi hụi bắt đầu vào ngày 08/4/2015 (tức ngày 20/02/2015 âm lịch) do bà L làm chủ là có thật. Tuy nhiên bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T có tham gia chơi dây hụi ngày 08/4/2015; không chứng minh được những người chơi hụi thỏa thuận về việc nếu hụi ngưng (úp hụi) thì người đã hốt hụi phải trả lại tiền cho người đã đóng. Bà H cung cấp 2 (hai) "biên bản chơi hội" gồm 01 bản viết tay và 01 bản đánh máy. 02 bản này có nội dung giống nhau đó là thỏa thuận việc đóng hụi và áp thảo.. Trong đó 1 bản viết tay là bản phô tô chỉ có chữ ký *chồng chủ hụi tên Nguyễn Trọng T2* và *chủ hội vợ ký tên Trần Thị L*; 1 bản đánh máy không có chữ ký. Như vậy 2 biên bản này không ai biếtkhông được xem chứng cứ. Bà H không có tài liệu nào khác chứng minh anh T có chơi hụi cũng như thỏa thuận sẽ trả lại tiền hụi nếu hụi bị ngưng (úp hụi) như bà H trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh bà Nguyễn Thị V (BL 138), bà Trần Thị C và ông Võ Duy T3 (BL 197) là những người cùng tham gia chơi hụi với bà H nhưng cả 3 đều không biết anh T là ai, đồng thời khẳng định việc chơi hụi chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có giấy tờ. Riêng bà V khai bà hốt hụi vào ngày 20/8/2015 (âm lịch) với số tiền 100.000.000 đồng thì bể hụi (úp hụi), bà L bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó bà H đến đòi lại tiền hụi thì bà trả tiền cho bà H. việc bà (Vương) trả tiền cho bà H là do bà tự nguyện trả chứ không có thỏa thuận nào khác.

Từ những nhận định trên cho thấy: không có căn cứ chứng minh được anh T có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, cũng như việc thỏa thuận thuận của người chơi hụi phải trả lại cho người đã đóng hụi nếu bể hụi (úp hụi). Do đó yêu cầu của bà Triều Thị H đối với anh Nguyễn Trọng T và chị Bùi Thị Th về việc trả tiền hụi (51.000.000 đ) là không có căn cứ. Kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm lưu ý và rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật cũng như cách viết bản án.

[5] Về án phí: Bà H là người cao tuổi, người có công với cách mạng nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TH1 vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án .

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Triều Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Phần tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Triều Thị H đối với anh Nguyễn Trọng T và chị Bùi Thị Th về việc buộc anh T và chị Th trả cho bà H số tiền hụi là 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà Triều Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Tân Phú (1);
- TAND huyện Tân Phú (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Phú (1);
- Đương sự (5);
- Lưu hồ sơ vụ án(1);
- Lưu trữ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)
Bùi Kim Rết